



BẢNG GIÁ ĐẤT Ở; ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ; ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP THUỘC ĐỊA BÀN XÃ THANH SƠN

(Kèm theo Nghị quyết số: 85/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
1	Đường Quốc lộ 32	Cầu Khuân giáp địa giới hành chính xã Thọ Văn	Đường rẽ vào làng nghề xóm Khuân	4.200	2.300	1.700	2.100	1.200	800	1.700	900	700
2		Đường rẽ vào làng nghề xóm Khuân	Cống thoát nước ra sông Bứa	4.400	2.400	1.800	2.200	1.200	900	1.800	1.000	700
3		Cống thoát nước ra sông Bứa	Cầu Khánh	4.800	2.600	1.900	2.400	1.300	1.000	1.900	1.100	800
4		Cầu Khánh	Giáp Hạt bảy giao thông	12.500	6.900	5.000	6.200	3.400	2.500	5.000	2.700	2.000
5		Hết Hạt bảy giao thông	Hết Ao Gia	14.200	7.800	5.700	7.100	3.900	2.800	5.700	3.100	2.300
6		Ao Gia	Đường rẽ vào trung tâm Y tế Thanh Sơn	12.000	6.600	4.800	6.000	3.300	2.400	4.800	2.600	1.900
7		Đường rẽ vào trung tâm Y tế Thanh Sơn	Đường rẽ vào trường mầm non Hoa Hồng	18.000	9.900	7.200	9.000	5.000	3.600	7.200	4.000	2.900
8		Đường rẽ vào trường mầm non Hoa Hồng	Đường rẽ vào nhà văn hóa khu Phố Vàng	20.400	11.200	8.200	10.200	5.600	4.100	8.200	4.500	3.300
9		Đường rẽ vào nhà văn hóa khu Phố Vàng	Hết bến xe Thanh Sơn	21.600	11.900	8.600	10.800	5.900	4.300	8.600	4.800	3.500
10		Giáp bến xe Thanh Sơn	Cầu 19/5 (Cầu Bình Dân)	13.200	7.300	5.300	6.600	3.600	2.600	5.300	2.900	2.100
11		Cầu 19/5 (Cầu Bình Dân)	Trường Trung cấp nghề Dân tộc Nội trú Phú Thọ	7.200	4.000	2.900	3.600	2.000	1.400	2.900	1.600	1.200
12		Trường Trung cấp nghề Dân tộc Nội trú Phú Thọ	Hết Đài Truyền thanh, Truyền hình	4.800	2.600	1.900	2.400	1.300	1.000	1.900	1.100	800
13		Giáp Đài Truyền thanh, Truyền hình	Tiếp giáp ranh giới xã Võ Miếu	3.000	1.700	1.200	1.500	800	600	1.200	700	500
14	Đường Quốc lộ 70B	Nhà ông Lộc Tính	Cầu Ngòi Ròng	9.400	5.100	3.700	4.700	2.600	1.900	3.700	2.100	1.500
15		Cầu Ngòi Ròng	Ngã ba đường tỉnh 316C	3.600	2.000	1.400	1.800	1.000	700	1.400	800	600
16		Ngã ba đường tỉnh 316C	Tiếp giáp địa giới hành chính xã Võ Miếu	2.500	1.400	1.000	1.300	700	500	1.000	600	400
17	Đường tỉnh 316	Hết nhà ông Hùng Kem	Hạt kiểm lâm	13.900	7.700	5.600	7.000	3.800	2.800	5.600	3.100	2.200
18		Hết Hạt kiểm lâm	Hết đất nhà ông Hòa Hà	11.000	6.100	4.400	5.500	3.000	2.200	4.400	2.400	1.800
19		Nhà bà Thanh	Đường rẽ đội 12 (Ao Bong)	6.700	3.700	2.700	3.400	1.800	1.300	2.700	1.500	1.100
20		Đường rẽ đội 12 (Ao Bong)	Hết cây xăng Liên Đồng	6.000	3.300	2.400	3.000	1.700	1.200	2.400	1.300	1.000
21		Giáp cây xăng Liên Đồng	Cầu Giáp Lai	5.000	2.800	2.000	2.500	1.400	1.000	2.000	1.100	800
22		Cầu Giáp Lai	Đường rẽ nghĩa trang Giáp Lai	4.200	2.300	1.700	2.100	1.200	800	1.700	900	700

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
23	Đường tỉnh 316	Đường rẽ nghĩa trang Giáp Lai	Giáp công ty Thanh Thanh Nhân	3.000	1.700	1.200	1.500	800	600	1.200	700	500
24		Công ty Thanh Thanh Nhân	Cầu Đen	3.600	2.000	1.400	1.800	1.000	700	1.400	800	600
25		Cầu Đen	Đường rẽ nhà văn hóa khu Đá Bạc	2.600	1.500	1.100	1.300	700	500	1.100	600	400
26		Đường rẽ nhà văn hóa khu Đá Bạc	Giáp địa giới hành chính xã Thanh Thủy	3.600	2.000	1.400	1.800	1.000	700	1.400	800	600
27	Đường tỉnh 316C	Nút giao Quốc lộ 70B	Hết hộ Ông Viện (Khu Đồng Lão)	3.100	1.700	1.200	1.600	900	600	1.200	700	500
28		Giáp hộ Ông Viện (Khu Đồng Lão)	Giáp địa giới hành chính xã Võ Miếu	1.600	900	600	800	400	300	600	400	300
29	Đường tỉnh 313D	Nút giao Quốc lộ 32	Cầu Yên	2.000	1.100	800	1.000	600	400	800	400	300
30	Đường tỉnh 317G	Tiếp giáp địa giới hành chính xã Thanh Thủy	Nút giao đường tỉnh 316	4.500	2.500	1.800	2.300	1.200	900	1.800	1.000	700
31		Nút giao đường tỉnh 316	Tiếp giáp địa giới hành chính xã Thanh Thủy	4.800	2.600	1.900	2.400	1.300	1.000	1.900	1.100	800
32	Đường Thanh Thủy - Thanh Sơn	Nút giao Quốc lộ 32	Hết hộ ông Sơn	7.200	4.000	2.900	3.600	2.000	1.400	2.900	1.600	1.200
33		Giáp hộ ông Sơn	Nút giao đường tỉnh 316	5.400	3.000	2.200	2.700	1.500	1.100	2.200	1.200	900
34		Nút giao đường tỉnh 316	Đường rẽ nghĩa trang Giáp Lai	2.000	1.100	800	1.000	600	400	800	400	300
35		Giáp thị trấn Thanh Sơn cũ	Giao đường tỉnh 316	3.200	1.700	1.200	1.500	800	600	1.200	700	500
36		Nút giao đường tỉnh 316	Nút giao đường tỉnh 317G	1.500	800	600	800	400	300	600	300	200
37		Cầu 30/4	Trạm y tế	1.900	1.100	800	1.000	500	400	800	400	300
38	Đường liên xã	Nhà ông Huệ (khu Ngọc Sơn 2)	Nhà ông Tuấn (khu Ngọc Sơn 1), giáp xã Tề Lễ cũ	2.600	1.500	1.100	1.300	700	500	1.100	600	400
39		Nút giao Quốc lộ 32	Tiếp giáp xã Thọ Văn	2.000	1.100	800	1.000	600	400	800	400	300
40		Cầu 30/4	Cầu Yên	1.400	800	600	700	400	300	600	300	200
41		Nút giao Quốc lộ 32	Ngã 3 chợ Giáp Lai	900	500	400	500	200	200	400	200	100
42		Hộ bà Tính (khu Cầu)	Hết hộ ông Quy (khu Phú Đặng)	1.200	700	500	600	300	200	500	300	200
43		Đường rẽ Đồng Cả	Ngã ba trạm y tế	1.200	700	500	600	300	200	500	300	200
44	Các tuyến đường khác	Ngã ba Quốc lộ 32 vào Chợ Vàng	Trạm biến áp	14.900	8.200	6.000	7.400	4.100	3.000	6.000	3.300	2.400
45		Trạm biến áp Chợ Vàng	Đường tỉnh 316	12.500	6.900	5.000	6.200	3.400	2.500	5.000	2.700	2.000
46		Giáp Quốc lộ 32A Chợ Vàng	Cầu Vàng	12.500	6.900	5.000	6.200	3.400	2.500	5.000	2.700	2.000
47		Nhà Chinh Mai	Nhà văn hoá Phố Vàng	10.100	5.500	4.000	5.000	2.800	2.000	4.000	2.200	1.600

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
48	Các tuyến đường khác	Nghĩa trang liệt sỹ	Giáp đường Quốc lộ 32 (đường đi Lương thực cũ)	11.800	6.500	4.700	5.900	3.200	2.400	4.700	2.600	1.900
49		Nhà ông Thanh Mạn (phố Cầu Đất)	Hết Trung tâm Y tế Thanh Sơn	12.500	6.900	5.000	6.200	3.400	2.500	5.000	2.700	2.000
50		Nút giao Quốc lộ 32	Trung tâm Giáo dục thường xuyên	4.300	2.400	1.700	2.200	1.200	900	1.700	1.000	700
51		Ngã ba vào Trường Trung học phổ thông Thanh Sơn	Hết hộ bà Thủy	6.700	3.700	2.700	3.400	1.800	1.300	2.700	1.500	1.100
52		Nhà nghỉ Anh Anh	Cầu 30/4	7.200	4.000	2.900	3.600	2.000	1.400	2.900	1.600	1.200
53		Trung tâm Hội nghị	Nhà ông Ân Quỳnh (Hoàng Sơn)	2.400	1.300	900	1.200	600	500	900	500	400
54		Nhà ông Nga Thụ phố Hoàng Sơn (giáp Quốc lộ 32)	Xưởng xe	2.400	1.300	900	1.200	600	500	900	500	400
55		Quốc lộ 32 giáp nhà ông Chinh (Tân Tiến)	Hết nhà bà Thanh (Tân Tiến)	2.400	1.300	900	1.200	600	500	900	500	400
56		Quốc lộ 32 giáp đất ông Dục (Hùng Nhĩ)	Hết đất nhà ông Sơn (Hùng Nhĩ)	2.400	1.300	900	1.200	600	500	900	500	400
57		Giáp hộ ông Sành khu Hùng Nhĩ đi đường rẽ đội 12	Giáp đường tỉnh 316	3.400	1.800	1.300	1.700	900	700	1.300	700	500
58		Nút giao Quốc lộ 32	Tháp nước nhà máy chè	3.600	2.000	1.400	1.800	1.000	700	1.400	800	600
59		Ngã tư nhà ông Tùng Đà	Đi nhà ông Đạo Lý khu Thống Nhất	3.000	1.700	1.200	1.500	800	600	1.200	700	500
60		Nhà ông Hòa Khắc (ngã ba Hát Bảy)	Đường rẽ đi Thống Nhất (nhà ông Quang Thu khu Bãi Tân)	3.000	1.700	1.200	1.500	800	600	1.200	700	500
61		Nhà ông Tiệp (khu Bãi Tân)	Nhà ông Tình (giáp địa giới hành chính xã Giáp Lai cũ)	3.000	1.700	1.200	1.500	800	600	1.200	700	500
62		Nút giao Quốc lộ 32	Nhà Văn Bình phố Cầu Đất	2.000	1.100	800	1.000	600	400	800	400	300
63		Ngã ba giao đường đi cầu 30/4	Nhà ông Hội Đơn phố Cầu Đất	2.000	1.100	800	1.000	600	400	800	400	300
64		Hộ ông Xuân	Nhà văn hóa phố Tân Thịnh	5.300	2.900	2.100	2.600	1.500	1.100	2.100	1.200	800
65	Đất hai bên đường trong khu vực Gò Rùa	Toàn tuyến		8.400	4.600	3.400	4.200	2.300	1.700	3.400	1.800	1.300

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
66	Đất khu dân cư tập trung 1, Tân Quang 4, 5, 6, 7, 8	Toàn tuyến		700	400	300	400	200	100	300	200	110
67	Khu hành chính 7 (đất khu tập thể khu công nhân Pirit cũ)	Toàn tuyến		800	400	300	400	250	200	300	200	120
68	Khu hành chính 8 (Đất giáp ranh thị trấn - Khu tràn đình)	Toàn tuyến		600	330	240	250	140	100	190	110	100
69	Đoạn từ Nút giao đường tỉnh 316 đi nhà ông Đông (khu 8) đến Hết nhà ông Chung (khu 8)	Nút giao đường tỉnh 316 đi nhà ông Đông (khu 8)	Hết nhà ông Chung (khu 8)	800	500	300	400	250	200	300	200	120
70	Khu 6, khu Bình Dân, khu 15	Toàn tuyến		700	400	300	400	200	100	300	200	110
71	Khu phố Soi, khu Đồng Xịa, khu Đa Đa, khu Đồng Lão	Toàn tuyến		700	400	300	400	200	100	300	200	110
72	Đất khu dân cư nông thôn còn lại (khu Đồng Cỏ, khu Ngọc Đồng, Khu Giáp Trung, khu Bến Đình, khu 8)	Toàn tuyến		600	330	240	250	140	100	190	110	100
73	Đất khu tập trung dân cư nông thôn gồm các khu: Chanh, Khuân	Toàn tuyến		600	330	240	250	140	100	190	110	100
74	Đất khu dân cư mới Phố Tân Tiến	Toàn tuyến		4.800	2.600	1.900	2.400	1.300	1.000	1.900	1.100	800
75	Đường liên xóm	Nhà bà Xoan, khu Tân Quang	Hết Nhà văn hóa khu 1 (điểm cũ), ngã ba nhà ông Ngọc Hà khu 4	1.200	700	500	600	300	200	500	300	200
76		Hộ ông Bình đi khu Bến Đình	Khu 8 (hết đất nhà bà Luận)	700	400	300	400	200	100	300	200	110
77		Giáp hộ ông Tuấn (khu Phố Soi)	Khu Bến Đình (hết đất hộ ông Phúc Thanh)	700	400	300	400	200	100	300	200	110

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
78	Đường liên xóm	Giáp hộ ông Phúc Thanh (khu Bến Đình)	Giáp khu Đồng Lão (giáp đất nhà ông Hữu)	1.000	500	400	500	300	200	400	200	150
79		Giáp Nhà văn hóa khu Đồng Cỏ	Khu Đa Đu (giáp đất hộ ông Thành Liên)	700	390	280	280	150	110	220	200	110
80		Giáp đất hộ ông Hòa (khu Đồng Cỏ)	Khu Đa Đu (giáp đất hộ ông Huệ Bích)	600	330	240	250	140	100	190	110	100
81		Đường tỉnh 316C (giáp đất hộ ông Hải Chú)	Khu Đồng Cỏ (hết đất hộ ông Hợi)	1.600	900	600	800	400	300	600	300	300
82		Quốc lộ 32 (giáp đất hộ ông Thực khu Bình Dân)	Hết đất hộ bà Tâm (Vân)	700	390	280	280	150	110	210	200	110
83		Đường tỉnh 316C (giáp đất hộ ông Trình khu Đồng Lão)	Khu Ngọc Đồng (hết đất nhà ông Sầu)	700	390	280	300	150	110	240	200	110
84		Nhà ông Thắng (khu Định)	Hộ ông Báu (khu 2 Chiềng Nội)	1.000	550	400	400	220	160	300	170	120
85		Nhà ông Báu qua cánh đồng	Đường tỉnh 316	1.200	700	500	600	300	200	500	300	200
*	Khu đấu giá, khu tái định cư											
86	Khu đấu giá, khu tái định cư	Đất bằng 2 vị trí đấu giá QSD đất tuyến đường Thanh		4.800			2.400			1.900		
87		Đất khu đấu giá tại khu đất thu hồi của Công ty Cổ phần Lương thực và thương mại Phú Thọ cũ		7.200			3.600			2.900		
88	Khu dân cư Soi Cả	Đường 13,5 m		9.600			4.800			3.800		
89		Đường 20,5 m; 27 m (Từ BT3 đến BT13 và DV3 đến BT5)		13.200			6.600			5.300		
90	Vị trí đấu giá quyền sử dụng đất tại khu Soi Cả	Nhà văn hóa	Nhà ông Trung (Băng 1)	1.800			900			700		
91		Vị trí đấu giá quyền sử dụng đất tại khu Soi Cả (Băng 2)		1.100			500			400		
92	Hạ tầng đấu giá khu Đồng Gạo	Băng 1: Vị trí tiếp giáp đường Thanh Sơn - Thanh Thủy		4.800			2.400			1.900		
93		Băng 2: Vị trí đấu giá tiếp giáp đường quy hoạch (LK1 đến LK4)		3.600			1.800			1.400		
94		Vị trí đấu giá tiếp giáp đường nối Tỉnh lộ 316 và đường Thanh Sơn - Thanh Thủy		2.400			1.200			1.000		
95		Hạ tầng tái định cư khu Đồng Gạo		4.200			2.100			1.700		

STT	Tên đường, phố	Đoạn đường		Giá đất ở			Giá đất thương mại, dịch vụ			Giá đất cơ sở sản xuất PNN		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	VT3
96	Hạ tầng tái định cư khu Giáp Trung	Băng 1: Vị trí tiếp giáp ngã ba đường quy hoạch		2.500			1.300			1.000		
97		Băng 2: Vị trí tiếp giáp đường quy hoạch		1.600			800			600		
98	Hạ tầng đầu giá quyền sử dụng đất khu Giáp Trung	Băng 1: Vị trí tiếp giáp ngã tư đường quy hoạch		4.800			2.400			1.900		
99		Băng 2: Vị trí tiếp giáp đường quy hoạch		3.600			1.800			1.400		
100	Hạ tầng đầu giá khu Nhang Quê	Băng 1: Vị trí đầu giá giáp đường tỉnh lộ 316		6.600			3.300			2.600		
101		Băng 2: Vị trí đầu giá còn lại giáp đường quy hoạch trong khu vực dự án		4.800			2.400			1.900		
102	Các tuyến đường khác chưa có tên trong bảng giá	Các tuyến đường khác chưa có tên trong bảng giá thuộc thị trấn Thanh Sơn cũ		2.000			1.000			800		
103		Các tuyến đường khác chưa có tên trong bảng giá thuộc các xã Giáp Lai, Thạch Khoán, Thục Luyện, Sơn Hùng cũ		530			300			200		